TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 27, 27/06 - 01/07/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Diều bay ngược gió"

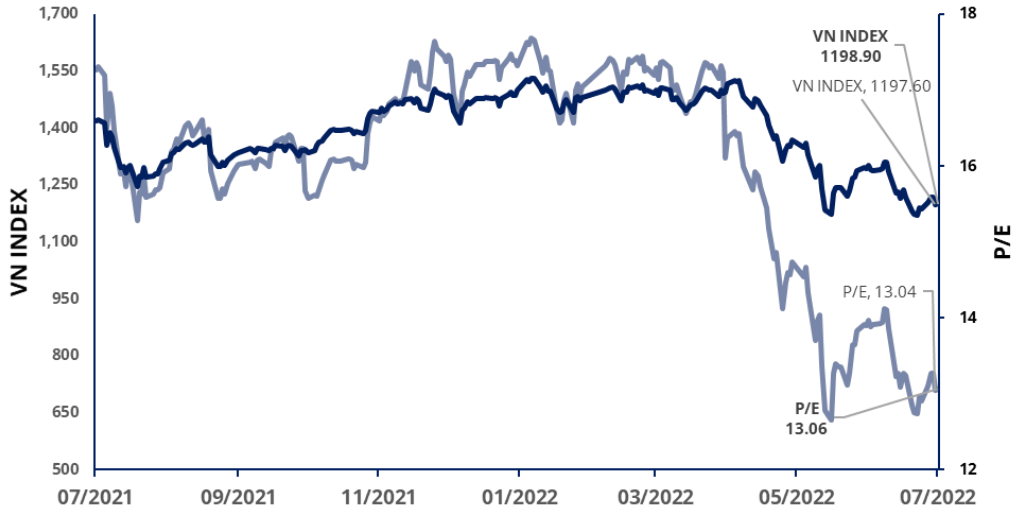
Thị trường chứng khoán trong tuần qua lao dốc do lo ngại về một cuộc khủng hoảng đang ngày càng lớn dần. Tại Mỹ, Chỉ số S&P 500 đã có năm tồi tệ nhất kể từ thập năm 1970 khi bốc hơi 19.74 kể từ đầu năm. Trong khi đó, dữ liệu về chi tiêu của cá nhân của đất nước cờ hoa cũng ghi nhận sự sụt giảm – đây là tháng giảm đầu tiên trong năm 2022. Tại châu Âu, chỉ số STOXX Europe 600 đã giảm 1.4%, chỉ số DAX bay hơi 2.33% trong khi CAC 40 lùi sâu 2.34%. Đợt điều chỉnh này diễn ra khi các nhà đầu tư ngày càng lo lắng về con số lạm phát và việc tăng lãi suất có thể đẩy nền kinh tế của châu Âu và cuộc suy thoái. Tại châu Á, thị trường chứng khoán Nhật Bản cũng không nằm ngoài xu hướng chung, chỉ số Nikkei 225 đã đi lùi 2.1%, tỷ giá đồng Yên vẫn đang nằm ở đáy trong vòng 24 năm khi so với đồng đô la Mỹ. Tại Trung Quốc, chỉ số Shanghai Composite tiếp tục ngược dòng đi lên 1.3% khi các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh Covid-19 tại Trung Quốc bắt đầu được nới lỏng.

Thị trường chứng khoán Việt trong tuần qua đã tăng điểm trở lại sau ba tuần giảm liên tiếp đồng thời chấm dứt đà giảm sau ba tháng điều chỉnh. Kết tuần, chỉ số VN Index tăng 13.42 điểm lên mốc 1198.3. Chỉ số HNX Index tăng 2.95 điểm lên mức 278.88 điểm, trong khi đó UPCOM tăng 1.08 điểm lên ngưỡng 88.18.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index quay trở lại kiểm tra hỗ trợ 1200 điểm. Lượng cung xuất hiện mạnh vào giữa tuần khi không có lượng cầu đối ứng khiến thị trường tụt giảm sâu với thanh khoản thấp. Tuy nhiên, VN Index đã phục hồi vào cuối phiên giao dịch ngày thứ 6 hình thành nến rút chân. Trong tuần qua, số liệu kinh tế quý 2 của Việt Nam được công bố đã tạo động lực tăng trưởng cho thị trường. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế quý 2 của Việt Nam đạt 7.72% cao nhất trong vòng 10 năm qua.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,199	-0.3	-7.7	-20.9	-20.0		13.1	2.0	205
Upcom Index	88	0.0	-7.3	-24.8	-21.7		14.1	1.6	50
HNX Index	279	-0.5	-11.6	-38.6	-41.2		14.6	1.6	12
VN30 Index	1,252	-0.4	-6.2	-18.8	-18.5		10.9	2.1	143
S&P 500 Index	3,825	-1.9	-6.7	-15.9	-19.7		19.2	3.8	33,617
STOXX Europe 600 Index	407	-1.9	-7.2	-11.2	-16.5		14.7	1.7	11,748
Hang Seng	21,860	-1.7	2.7	-0.8	-6.6		8.1	0.9	2,986
Nikkei 225	25,936	-3.5	-5.5	-6.3	-9.9		18.5	1.6	3,309
SHCOMP Index	3,388	0.3	6.5	3.2	-6.9		13.8	1.5	6,905
STI Index	3,096	-1.3	-4.6	-9.5	-0.9		13.1	1.1	341
KOSPI Index	2,305	-4.0	-14.2	-15.9	-22.6		9.9	0.9	1,351

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Giá trị giao dịch trên thị trường tiếp tục dưới ngưỡng trung bình 20 phiên giao dịch. Cụ thể, thanh khoản trung bình mỗi phiên đạt 10,253 tỷ giảm 14.3% so với trung bình tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, cả ba nhóm vốn hóa đều có sự tăng trưởng nhẹ so với tuần trước đó, nhóm mid cap tăng mạnh nhất với 1.6%, theo sau là Large Cap với 1.1%. Về thanh khoản, cả ba nhóm vốn hóa đều cho thấy sự sụt giảm của dòng tiền, nhóm Large Cap có sự giảm sút giá trị giao dịch sâu nhất

Các nhóm ngành trong tuần qua có sự phân hóa. Nổi bật nhất là nhóm ngân hàng khi vốn hóa của các ngành tăng mạnh nhất với 3.4%. Tiếp theo sau Ngân hàng là nhóm Công nghệ thông tin khi cổ phiếu ngành này phục hồi 2.8%. Về thanh khoản, chỉ có nhóm Ngân hàng thu hút được dòng tiền trong khi tất cả các nhóm ngành còn lại đều có giá trị giao dịch sụt giảm. Đáng kể nhất là dầu khí khi thanh khoản giảm gần 50% trong bối cảnh giá dầu trên thế giới điều chỉnh.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	1.1	-6.8	-16.5	-15.2	-22.7	-32.9	68.9	-0.7	13.0	2.1	4,108,551
Mid Cap	1.6	-12.1	-27.2	-12.4	-28.4	-41.0	29.2	0.6	12.1	1.3	573,674
Small Cap	0.4	-15.6	-33.5	-10.9	-31.4	-57.4	1.9	0.1	14.1	0.8	74,254

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD				Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Ngân hàng	3.4	-5.7	-17.9	4.1	-4.5	-34.8	15.9	2.8	9.7	1.7	1,474,691
Công nghệ Thông tin	2.8	-5.2	6.3	-29.8	-41.5	-55.1	1.5	-0.3	20.4	3.3	111,247
Hàng Tiêu dùng	1.2	-2.8	-13.1	-6.2	-20.1	-25.7	13.3	1.1	16.8	2.7	609,315
Công nghiệp	1.1	-9.4	-19.9	-24.7	-36.9	-47.6	11.5	-1.6	14.2	1.2	247,423
Dược và Y tế	0.8	-6.3	-16.7	-8.5	-29.6	-54.9	0.3	0.0	15.0	2.0	32,474
Tài chính	-0.1	-10.7	-26.4	-3.9	-12.6	-31.0	32.3	3.5	17.4	1.9	1,249,106
Tiện ích Cộng đồng	-0.3	-5.8	18.8	-43.1	-43.9	-8.1	4.6	-2.3	16.9	2.4	349,831
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.6	-5.9	-5.0	-22.7	-25.4	-28.0	5.7	-0.6	n.a	4.5	253,042
Dầu khí	-0.6	-12.3	-25.8	-47.3	-59.5	-55.9	1.0	-0.7	24.8	2.1	60,076
Nguyên vật liệu	-1.1	-12.8	-30.3	-24.7	-39.2	-47.1	13.9	-1.9	5.8	1.4	369,842

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, hầu hết các thị trường đều bị rút ròng, thị trường Nhật Bản và Đài Loan bị rút ròng mạnh nhất lần lượt là 3,178 và 1,078 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, dòng vốn ngoại cho thấy tín hiệu tích cực khi mua ròng 17 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài mua ròng 3.27 triệu đô la, tất cả đến tiwf quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF. Ở chiều ngược lại, các quỹ trong nước tuần qua bán ròng 1.68 triệu đô la, quỹ DCVFMVN30 ETF FUND bán 2.3 triệu đô la trong khi quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF mua nhẹ 0.62 triệu đô la

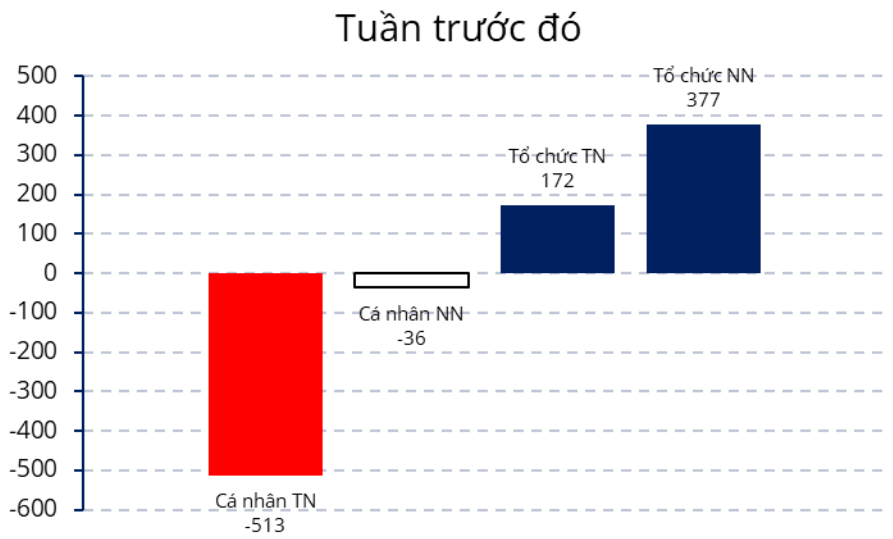
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**2,813**	**1.59**	**20.37**	**82.7**	**95.2**
Nước ngoài	**1,707**	**3.27**	**32.00**	**73.8**	**163.6**
VanEck Vectors Vietnam ETF	377	0.00	-2.26	-11.7	-3.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	543	3.27	47.38	162.0	421.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	353	0.00	-12.54	-41.7	-42.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	262	0.00	-0.57	-17.3	-109.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	132	0.00	0.00	-17.0	-105.9
Premia MSCI Vietnam ETF	23	0.00	0.00	-0.5	-0.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,107**	**-1.68**	**-11.63**	**8.9**	**-68.3**
DCVFMVN Diamond ETF	606	0.00	0.00	0.0	-111.7
DCVFMVN30 ETF Fund	338	-2.30	-12.32	0.4	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	114	0.62	0.69	5.6	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	2.9	33.6
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

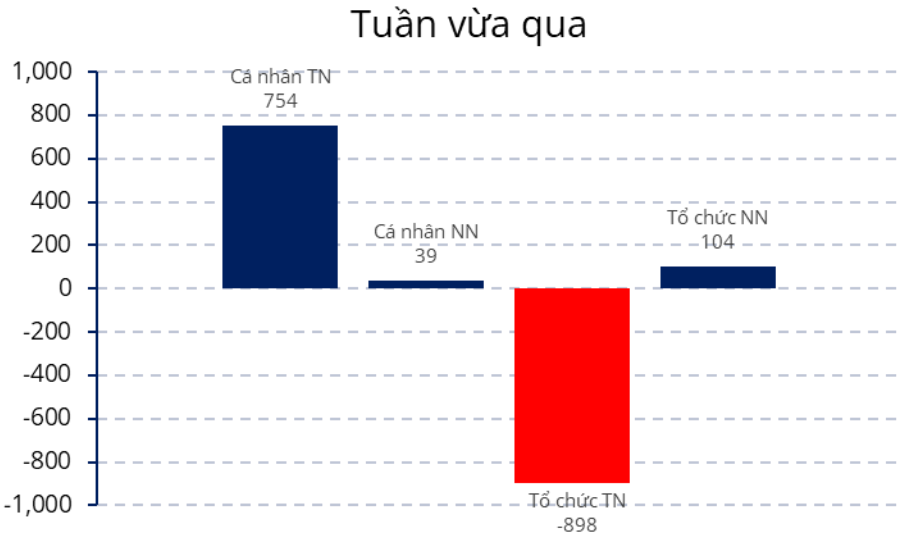
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-64,037	-116,788	-116,788
Ấn độ	-287	-6,309	-14,996	-28,523
Indonesia	-262	-501	2,039	4,268
Nhật Bản	-3,178	-9,556	18,055	573
Maylaysia	-70	-291	-80	1,461
Philippines	-37	-207	-656	-775
Hàn Quốc	-611	-4,796	-9,589	-16,087
Sri Lanka	0	0	2	-9
Đài Loan	-1,078	-7,724	-16,769	-34,070
Thái Lan	92	-841	72	3,442
Việt Nam	17	82	274	-33

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 143 tỷ. Trong khi đó, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 754 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 898 tỷ.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	BBC	Thực phẩm và đồ uống	58.20 - 117.40	75.5	-30.03%
2	ITA	Bất động sản	5.63 - 19.60	7.3	-17.94%
3	MCP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.30 - 33.60	27.7	-14.92%
4	PTC	Xây dựng và Vật liệu	5.01 - 48.33	8.9	-13.17%
5	LEC	Sản xuất nông nghiệp	8.66 - 17.35	9.0	-12.62%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.27%	5.8	3.53 - 24.10	Bất động sản	FLC
22.97%	12.9	4.82 - 20.50	Dịch vụ tài chính	OGC
20.57%	6.3	4.34 - 77.40	Xây dựng và Vật liệu	TGG
19.08%	38.7	25.60 - 76.90	Dịch vụ tài chính	FTS
18.35%	6.3	4.61 - 18.20	Xây dựng và Vật liệu	CIG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	TKC	Xây dựng và Vật liệu	5.70 - 17.40	5.9	-19.18%
2	BST	Truyền thông	13.10 - 23.00	13.7	-16.97%
3	VKC	Ô tô và phụ tùng	3.20 - 30.80	4.5	-13.46%
4	VE3	Xây dựng và Vật liệu	7.00 - 18.80	10.3	-11.21%
5	MHL	Tài nguyên Cơ bản	3.10 - 11.20	8.1	-10.99%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
42.86%	6.0	3.80 - 16.50	Tài nguyên Cơ bản	SPI
24.33%	46.5	30.70 - 65.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VNC
19.05%	17.5	6.20 - 25.70	Xây dựng và Vật liệu	TTL
18.42%	4.5	3.80 - 10.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	VTJ
18.33%	14.4	11.60 - 16.98	Thực phẩm và đồ uống	SJ1

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	HAV	Thực phẩm và đồ uống	2.50 - 9.20	3.6	-34.55%
2	LTC	Công nghệ Thông tin	1.60 - 6.40	1.7	-29.17%
3	E12	Xây dựng và Vật liệu	6.00 - 41.20	8.1	-25.00%
4	KTC	Du lịch và Giải trí	9.00 - 24.90	11.4	-25.00%
5	HLA	Tài nguyên Cơ bản	0.60 - 2.90	0.6	-25.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
75.78%	90.0	32.00 - 90.00	Y tế	TVP
70.21%	16.0	2.60 - 68.00	Xây dựng và Vật liệu	XMD
51.61%	9.4	6.20 - 20.00	Y tế	UPH
50.42%	17.9	9.90 - 23.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HEP
45.33%	10.9	7.50 - 16.50	Xây dựng và Vật liệu	PBT

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	Thực phẩm và đồ uống	2,600	1,095.2	16.9	15.30 - 19.10	-0.6
2	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	4,034	249.1	49.5	35.75 - 51.00	10.6
3	OGC	Tập đoàn Đại Dương	Dịch vụ tài chính	8,632	242.5	12.9	4.82 - 20.50	23.0
4	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	294	216.0	91.8	71.80 - 100.00	-1.1
5	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,261	208.7	96.1	69.40 - 100.00	4.5
6	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	153	144.6	42.0	40.60 - 59.30	-6.3
7	FLC	Tập đoàn FLC	Bất động sản	47,307	138.3	5.8	3.53 - 24.10	25.3
8	PGI	Bảo hiểm PJICO	Bảo hiểm	598	111.4	27.4	15.84 - 37.40	5.4
9	HRC	Cao su Hòa Bình	Hóa chất	64	85.9	59.0	46.05 - 70.40	9.3
10	VCF	Vinacafé Biên Hòa	Thực phẩm và đồ uống	166	75.7	237.5	223.60 - 293.00	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	104.94	0.73	2.38	6.40	9.69	
VND/USD	23,279	0.12	0.32	1.91	1.98	
KRW/USD	1,297.25	-0.09	4.83	6.73	9.11	
JPY/USD	135.27	0.03	3.95	10.41	17.54	
EUR/USD	0.96	1.09	2.02	5.81	8.92	
SGD/USD	1.39	0.61	1.46	2.77	3.38	
CNY/USD	6.70	0.21	0.27	5.36	5.48	

Hàng hóa

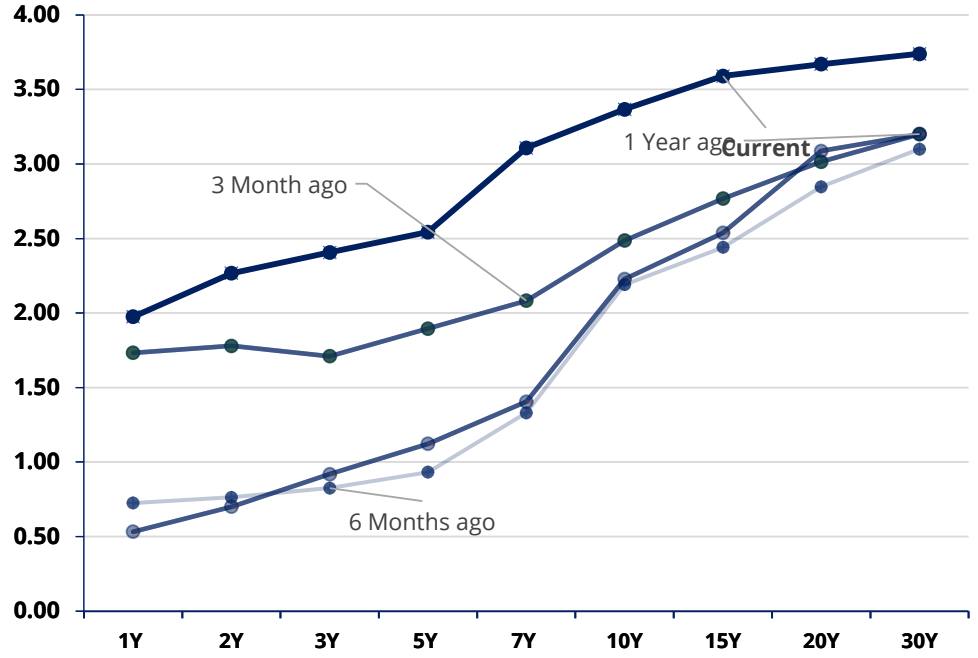
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	105.31	-2.15	-8.63	6.08	40.02	
Xăng	352.32	-9.31	-13.47	11.72	58.10	
Gas	5.70	-8.42	-34.50	-0.42	52.71	
Than	385.95	-2.91	-9.61	49.02	127.56	
Vàng	1,794.01	-1.80	-2.85	-6.84	-1.92	
Bạc	19.79	-6.51	-9.37	-19.67	-15.11	
Platinum	886.79	-2.67	-11.15	-10.39	-8.46	
Quặng sắt	121.88	-7.28	-8.71	-19.20	8.34	
Thép cán	4,396.00	1.59	-9.32	-16.82	-7.43	
Lúa mì	872.50	-5.55	-16.21	-11.38	13.20	
Ngô	744.00	-0.83	1.74	1.22	25.41	
Gỗ	663.30	7.50	1.50	-31.29	-42.22	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.